TÒA ÁN NHÂN DÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
QUẬN LIÊN CHIỂU-TP ĐÀ NẴNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **36**/2023/DS-ST
Ngày: 17 -7 -2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU - TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Dương Thị Thái
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bình
Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Dung- Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu *tham gia phiên tòa*: ông Võ Quang Tiến - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2023/TLST-DS ngày 12/5/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2023/QĐXXST-DS ngày 26/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 58/2023/QĐST-DS ngày 11/7/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP A**; trụ sở: Tầng A, 2, 3 tòa Geleximco, C H, phường Ô, quận Đ, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông Đào Mạnh K, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Xuân P, sinh năm 1990; chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ; địa chỉ: Số B đường L, quận T, thành phố Đà Nẵng. (Theo giấy ủy quyền số 16/UQ-HĐQT.22 ngày 12/10/2022 của Chủ tịch Hội đồng quản trị và giấy ủy quyền số 216/UQ-TGĐ.23 ngày 20/4/2023 của Trưởng Ban xử lý nợ Ngân hàng TMCP A). *Có mặt*

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1965 và bà **Trần Thị H**, sinh năm 1967; cùng địa chỉ: C V, phường M, quận L, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn trình bày:***

Ngày 09/12/2021, Ngân hàng TMCP A ký kết với ông Nguyễn Văn M và bà Trần Thị H Hợp đồng cho vay từng lần số 11321/21/TD-TT/VI.7 theo đó ngân hàng đã cho ông M và bà H vay số tiền là 10.000.000.000 đồng; mục đích vay để bồi hoàn chi phí chuyển nhượng bất động sản; thời hạn vay 276 tháng; lãi suất 7,6%/năm 06 tháng đầu tiên, 8,6%/năm trong 06 tháng tiếp theo và được điều chỉnh kể từ thời điểm 10/12/2022; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. Ngân hàng đã giải ngân khoản vay trên cho ông Nguyễn Văn M và bà Trần Thị H

Tài sản đảm bảo cho khoản vay nói trên là:

1. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 152, tờ bản đồ số 155, địa chỉ Khu dân cư chợ và phố chợ M1 (giai đoạn 2), phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số Đ499007, số vào sổ cấp GCN: 0016588 do UBND quận L, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 16/9/2004 cho bà Lê Thị T. Ông Nguyễn Văn M và bà Trần Thị H nhận chuyển nhượng lại ngày 28/02/2008. Được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 9696/21/TC-TT/XXI.2 ngày 09/12/2021 và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

2. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số và thửa đất số 153, tờ bản đồ số 155, địa chỉ Khu dân cư chợ và phố chợ M1 (giai đoạn 2), phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AI 900136, số vào sổ cấp GCN: H04626 do UBND quận L, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 04/6/2007 cho bà Lê Thị T. Ông Nguyễn Văn M và bà Trần Thị H nhận chuyển nhượng lại ngày 28/02/2008. Được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 9696/21/TC-TT/XXI.2 ngày 09/12/2021 và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

Trong quá trình thực hiện các hợp đồng, ông Nguyễn Văn M và bà Trần Thị H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo các nội dung đã cam kết. Mặc dù ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở, làm việc và đôn đúc ông M, bà H trả nợ nhưng ông M, bà H vẫn không trả hết nợ cho ngân hàng.

Nay ngân hàng chúng tôi khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn M và bà Trần Thị H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP A tổng số tiền tạm tính đến ngày 17/7/2023 là 10.833.771.309 đồng, trong đó nợ gốc là 9.949.999.995 đồng; nợ lãi là 883.771.314đồng và yêu cầu tiếp tục tính kể từ ngày 18/7/2023 cho đến khi ông M, bà H thanh toán hết nợ. Trường hợp ông M, bà H không trả toàn bộ số nợ nói trên hoặc trả nợ không đủ thì đề nghị Tòa án cho xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

** Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa xét xử, bị đơn là ông Nguyễn Văn M và bà Trần Thị H vắng mặt và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu phát biểu ý kiến:***

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Nguyễn Văn M và bà Trần Thị H vắng mặt và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đã vi phạm quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 302, 303, 317, 318, 322, 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A về việc buộc ông M và bà H trả cho ngân hàng các khoản nợ gốc và lãi, xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán nợ không đủ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về thủ tục tố tụng:**

[1] Nguyên đơn khởi kiện "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" đối với bị đơn là ông Nguyễn Văn M và bà Trần Thị H có địa chỉ cư trú tại phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng tại phiên tòa lần thứ hai đối với bị đơn là ông Nguyễn Văn M và bà Trần Thị H nhưng ông M, bà H vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

*** Về nội dung vụ án:**

[1] Xét yêu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng A về việc buộc bị đơn là ông Nguyễn Văn M và bà Trần Thị H thanh toán số tiền nợ gốc 9.949.999.995 đồng và tiền lãi là 883.771.314đồng thì thấy:

Xét Hợp đồng cho vay từng lần số 11321/21/TD-TT/VI.7 ngày 09/12/2021 ký kết giữa Ngân hàng A và ông Nguyễn Văn M cùng vợ là bà Trần Thị H đã tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật về nội dung, hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ, các bên tham gia giao dịch có quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng.

Theo Giấy nhận nợ ngày 10/12/2021, ngân hàng đã giải ngân cho ông M và bà H toàn bộ số tiền vay là 10.000.000.000đồng. Trên cơ sở các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp như Bản tự khai, Bản kê tình hình giao dịch, Sao kê dư nợ Hội đồng xét xử xác định: tính đến ngày xét xử hôm nay, ông Nguyễn Văn M và bà Trần Thị H còn nợ Ngân hàng TMCP A tiền gốc 949.999.995 đồng và tiền lãi phát sinh tính đến ngày xét xử là 883.771.314đồng, tổng cộng là 10.833.771.309 đồng.

Việc bị đơn không trả nợ gốc và tiền lãi theo đúng phân kỳ là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, là bên có lỗi trong việc thực hiện các thỏa thuận ký kết do vậy yêu cầu buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc, nợ lãi và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 5, Điều 7, Điều 11 của Hợp đồng cho vay, Điều 466 Bộ luật dân sự, Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng nên cần chấp nhận. Ông M và bà H còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh kể từ ngày 18/7/2023 theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay từng lần đã ký kết.

[2] Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của Hợp đồng cho vay từng lần số 11321/21/TD-TT/VI.7 ngày 09/12/2021, ông Nguyễn Văn M và bà Trần Thị H đã thế chấp cho Ngân hàng TMCP A các tài sản là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 152, tờ bản đồ số 155, địa chỉ Khu dân cư chợ và phố chợ M1 (giai đoạn 2), phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số Đ499007, số vào sổ cấp GCN: 0016588 do UBND quận L, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 16/9/2004 cho bà Lê Thị T; ông Nguyễn Văn M và bà Trần Thị H nhận chuyển nhượng lại ngày 28/02/2008. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số và thửa đất số 153, tờ bản đồ số 155, địa chỉ Khu dân cư chợ và phố chợ M1 (giai đoạn 2), phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AI 900136, số vào sổ cấp GCN: H04626 do UBND quận L, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 04/6/2007

cho bà Lê Thị T; ông Nguyễn Văn M và bà Trần Thị H nhận chuyển nhượng lại ngày 28/02/2008. Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp theo quy định. Qua xem xét, hiện trạng tài sản không có gì thay đổi so với thời điểm thế chấp.

Xét tại thời điểm ký kết hợp đồng thế chấp tài sản, các bên hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung thỏa thuận phù hợp với đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật; Hợp đồng đã được chứng thực của cơ quan công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm, việc thế chấp tài sản hợp pháp nên được xử lý theo Điều 302, 303 Bộ luật dân sự để thu hồi nợ trong trường hợp ông Nguyễn Văn M và bà Trần Thị H không thanh toán nợ hoặc thanh toán nợ không đủ cho ngân hàng.

Trường hợp ông Nguyễn Văn M và bà Trần Thị H thanh toán xong các khoản nợ thì Ngân hàng TMCP A có nghĩa vụ trả lại cho ông M và bà H các giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp theo quy định tại Điều 322 Bộ luật dân sự.

[3] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu tham gia phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án và điều luật áp dụng là có căn cứ cần chấp nhận.

[4] Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, mức án phí cụ thể được xác định: 112.000.000đ + (10.833.771.309đ – 4.000.000.000đ) x 0,1% = 118.833.771đ. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 227, 266, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 302, 303, 317, 318, 322, 466 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/20016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" của Ngân hàng TMCP A đối với ông Nguyễn Văn M và bà Trần Thị H.

Buộc ông Nguyễn Văn M và bà Trần Thị H trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền tiền 10.833.771.309đ (Mười tỷ, tám trăm ba mươi ba triệu, bảy trăm bảy mươi mốt ngàn, ba trăm lẻ chín đồng), trong đó: tiền gốc là 9.949.999.995đ (Chín tỷ, chín trăm bốn mươi chín triệu, chín trăm chín mươi chín ngàn, chín trăm chín mươi lăm đồng), tiền lãi tính đến ngày xét xử là 883.771.314đ (T1 trăm tám mươi triệu, bảy trăm bảy mươi mốt ngàn, ba trăm mười bốn đồng).

Ông Nguyễn Văn M và bà Trần Thị H tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh kể từ ngày 18/7/2023 theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay từng lần số 11321/21/TD-TT/VI.7 ngày 09/12/2021 cho đến khi thanh toán xong nợ.

2. Xử lý tài sản thế chấp:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 152, tờ bản đồ số 155, địa chỉ Khu dân cư chợ và phố chợ M1 (giai đoạn 2), phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số Đ499007, số vào sổ cấp GCN: 0016588 do UBND quận L, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 16/9/2004 cho bà Lê Thị T; ông Nguyễn Văn M và bà Trần Thị H nhận chuyển nhượng lại ngày 28/02/2008.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số và thửa đất số 153, tờ bản đồ số 155, địa chỉ Khu dân cư chợ và phố chợ M1 (giai đoạn 2), phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AI 900136, số vào sổ cấp GCN: H04626 do UBND quận L, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 04/6/2007 cho bà Lê Thị Minh T2; ông Nguyễn Văn M và bà Trần Thị H nhận chuyển nhượng lại ngày 28/02/2008.

Được xử lý theo Điều 302, 303 Bộ luật dân sự để thu hồi nợ trong trường hợp ông M và bà H không thanh toán hoặc thanh toán nợ không đủ cho ngân hàng.

Khi ông Nguyễn Văn M và bà Trần Thị H thanh toán xong các khoản nợ thì Ngân hàng TMCP A có nghĩa vụ trả lại cho ông M và bà H các giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp theo quy định tại Điều 322 Bộ luật dân sự.

3. Buộc ông Nguyễn Văn M và bà Trần Thị H phải chịu 118.833.771đ (Một trăm mười tám triệu, tám trăm ba mươi ba ngàn, bảy trăm bảy mươi mốt đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí 59.219.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0007973 ngày 12/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc từ ngày niêm yết) bản án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục THADS Q. Liên Chiểu;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

DƯƠNG THỊ THÁI